

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/12/2020

*“V/v hủy hôn nhân trái pháp luật và giải quyết
tranh chấp về nuôi con”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Nhân Trác,

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Đức,

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2020/TLST-HNG§ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc hủy hôn nhân trái pháp luật và giải quyết tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn T, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1970; Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. Đang chấp hành án tại trại giam Hoàng Tiến - Bộ Công an

có địa chỉ tại phường Hoàng Tiến, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- UBND phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vi Công S- Chủ tịch UBND phường Xuất Hóa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Đồng Thị T, sinh năm 1968;

Trú tại: Thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 31/12/2010 tại UBND xã X, thị xã B (hiện nay là thành phố B), tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn, chị N và anh C về thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương thuê nhà sinh sống khoảng 02 năm, tuy nhiên khi sống ở Hải Dương anh C không đưa chị N về thăm nhà và gia đình ở quê. Đầu năm 2012 chị N chuyển về Bắc Kạn sinh sống và làm việc, anh C không về Bắc Kạn sống cùng chị N, cuối năm 2014 khi anh C phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" bị Công an tỉnh Hải Dương bắt và tạm giam tại trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương. Quá trình thăm gặp anh C tại trại tạm giam, qua tìm hiểu, chị N mới biết được là trước khi kết hôn với chị, anh C đã có vợ là chị Đồng Thị T ở quê và có 02 con, hiện vẫn chưa ly hôn. Bất ngờ và thất vọng về sự lừa dối của anh C, sau một thời gian về nhà suy nghĩ chị N đã quyết định làm đơn xin ly hôn anh C. Nay chị N nhận biết được việc chị kết hôn với anh C khi anh C đang tồn tại quan hệ hôn nhân với chị T là trái pháp luật. Do vậy, chị N thay đổi nội dung đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh C.

Về con chung: Giữa chị N và anh Nguyễn Văn C có một con chung là Nguyễn Đỗ Bảo N, sinh ngày 03/7/2012. Hiện nay đang ở cùng với chị N ở thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Nay chị N có nguyện vọng được tiếp tục trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bảo Ngọc đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Sau một thời gian tự do tìm hiểu, anh C và chị Đỗ Thị N đã tự nguyện đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới tại Bắc Kạn. Khi kết hôn với chị N, anh C không nói cho chị N biết về việc đã có vợ con ở thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương; UBND xã Xuất Hóa cũng không yêu cầu anh C xuất trình sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ xác định tình trạng hôn nhân. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống và làm việc mỗi người một nơi. Năm 2014 khi anh C phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" bị Công an tỉnh Hải Dương bắt và tạm giam tại trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương, thỉnh thoảng chị N có về thăm. Đến khi anh đi chấp hành án tại trại giam Hoàng Tiến chị N ít lên thăm anh và lần cuối cùng lên thăm anh, chị N đã đề cập đến vấn đề giải quyết ly hôn giữa anh và chị N. Nay chị N kiên quyết xin ly hôn, anh C đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Giữa anh Nguyễn Văn C và chị Đỗ Thị N có một con chung là Nguyễn Đỗ Bảo N, sinh ngày 03/7/2012, hiện nay đang ở cùng với chị N. Chị N có nguyện vọng được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh C nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: UBND phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn xác định: Vào năm 2010, anh Nguyễn Văn C và chị Đỗ Thị N đến xin đăng ký kết hôn. UBND phường đã cấp cho anh chị tờ khai đăng ký kết hôn, anh C và chị N đã cam đoan là chưa kết hôn lần nào nên UBND phường có đăng ký kết hôn cho anh Nguyễn Văn C và chị Đỗ Thị N theo giấy chứng nhận kết hôn số 24/2010, quyển số 01/2007, ngày 31/12/2010. Nay UBND phường được biết anh C đã có vợ con tại thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương và chị N có đơn khởi kiện hủy kết hôn trái pháp luật với anh C và giải quyết vấn đề nuôi con chung, UBND phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tứ

Kỳ, tỉnh Hải Dương giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương giải quyết vụ án, Tòa án mở phiên họp, phiên xét xử đại diện UBND phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn xin được vắng mặt.

Chị Đồng Thị T trình bày: Chị và anh C kết hôn năm 1987, do lâu ngày chị T không còn lưu giữ được giấy đăng ký kết hôn, trong quá trình sống chung anh chị có xảy ra mâu thuẫn, năm 2006 chị T đã làm đơn xin ly hôn anh C, được chính quyền địa phương hòa giải anh chị lại về chung sống với nhau. Kể từ năm 2006 đến nay, anh chị không xảy ra mâu thuẫn, không ai làm đơn xin ly hôn. Trong quá trình sống chung, chị T và anh C có hai con chung là Nguyễn Văn Thủy, sinh ngày 20/12/1988 và Nguyễn Thị Thu Thúy, sinh ngày 17/01/1993 hiện các con chung của chị và anh C đã trưởng thành và xây dựng gia đình riêng. Nay chị T biết việc anh C đang có vợ nhưng lại kết hôn với chị N, chị T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, chị N, anh C và UBND xã Xuất Hóa, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị vắng mặt chị N, anh C và UBND xã Xuất Hóa đều giữ nguyên quan điểm trình bày của mình và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: HĐXX đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã chấp hành các quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 1 Điều 40 BLTTDS; khoản 3 Điều 9; khoản 1 Điều 10 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; điểm c khoản 2 Điều 5; Điều 10; Điều 11; Điều 12 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử hủy kết hôn trái pháp luật và hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2010 ngày 31/12/2010 của UBND xã Xuất Hóa, TP Bắc Kạn đã cấp cho chị N và anh C. Giao con chung là Nguyễn Đỗ Bảo N, sinh ngày 03/7/2012 cho chị Đỗ Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp

nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Đỗ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Đỗ Thị N, bị đơn là anh Nguyễn Văn C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND phường Xuất Hóa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị N, anh C, và UBND phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuất Hóa nay là phường X, thành phố B vào ngày 31/12/2010. Anh chị chung sống đến cuối năm 2014, anh C phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" bị Công an tỉnh Hải Dương bắt và tạm giam tại trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương. Qua thăm gặp tìm hiểu, chị N được biết được là trước khi kết hôn với chị N, anh C đã có vợ là Đồng Thị T ở quê và có 02 con, hiện vẫn chưa ly hôn. UBND xã Xuất Hóa nay là phường Xuất Hóa xác định xã không xác minh cụ thể, tin vào lời cam đoan của anh C, không biết việc anh C đã có vợ con tại quê nhà ở thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương nên đã đăng ký kết hôn cho anh C và chị N. Chị T xác định giữa chị và anh C vẫn tồn tại quan hệ hôn nhân, vợ chồng không có mâu thuẫn. Mặc dù anh C xác định tình cảm với chị N vẫn còn, không nhất trí ly hôn, nhưng việc anh C đang có vợ, năm 2010 tiếp tục kết hôn với chị N đã vi phạm điều 10 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2000. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh C là trái pháp luật, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử Hủy hôn nhân trái pháp luật giữa chị N và anh C là phù hợp.

[3] Về con chung: Giữa chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Văn C có một con chung là Nguyễn Đỗ Bảo N, sinh ngày 03/7/2012, hiện nay đang ở cùng với chị

N. Nay chị N có nguyện vọng được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bảo Ngọc và tự nguyện không yêu cầu anh C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh C đang tập trung cải tạo; vì vậy, HĐXX cần giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh C không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 10; Điều 11, Điều 12, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử Hủy hôn nhân trái pháp luật giữa chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đỗ Bảo N, sinh ngày 03/7/2012 cho chị Đỗ Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, theo biên lai số AA/2017/0009953 ngày 04/11/2020. Chị Đỗ Thị N đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị N, anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án, UBND phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn có quyền kháng cáo

phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Chị Đồng Thị T có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Chí Minh, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Nhân Trác